

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Tài

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị G, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 14, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 14, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18-12-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày: Vào năm 2017 chị Trần Thị G cùng anh Trần Văn V tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, ngày 13-7-2017, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống anh và chị có với nhau 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020 chị và anh V hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 10-2022 chị G

cho rằng anh V có hành vi đánh đập chị, không chăm lo cho gia đình, lo cò bạc, cuộc sống hôn nhân của chị không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chị và anh V đã ly thân nhau từ tháng 11-2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không thể hàn gắn, nên chị xin ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con chung: 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020 hiện đang sống cùng chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn V, theo biên bản ghi lời khai ngày 04-01-2023 anh V trình bày: Anh và chị Trần Thị G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, ngày 13-7-2017, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống anh và chị có với nhau 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020, tình trạng hôn nhân anh V thừa nhận hôn nhân của anh chị có cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh V không thừa nhận đánh chị G, anh và chị G đã ly thân từ tháng 11-2022 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn với chị G, anh xin được đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020 hiện đang sống cùng chị G. Anh đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải, anh V vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn V; chị xin được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Giữa chị G và anh V có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng và được xem là hôn nhân có giá trị pháp lý. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị G cho rằng anh V thường xuyên cờ bạc, không lo làm việc kiếm tiền, đánh chị G và đã ly thân từ tháng 11-2022 đến nay.

Căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh V ngày 13-02-2023: Từ tháng 11-2022 đến nay chị G và anh V không còn chung sống với nhau, chị G đã bỏ địa phương đi, không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Nhận thấy, hôn nhân giữa chị G và anh V không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quá trình chung sống anh V thường cờ bạc, không lo làm việc kiếm tiền, thời gian ly thân đã lâu nhưng vẫn không gặp gỡ nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ với nhau. Do đó, chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở chấp nhận.

Riêng anh V không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình ly thân không gặp chị G nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ địa phương đi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh V đã rạn nứt, anh V không mong muốn đoàn tụ với chị G. Do đó, yêu cầu của anh V không có cơ sở để xem xét.

Về con chung: Chị G yêu cầu nuôi bé Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020 và anh V đồng ý giao con. Nhận thấy bé Nhựt còn nhỏ tuổi, để tránh xáo trộn tâm lý sinh hoạt của bé, cần thiết giao cho chị G chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, chị G được ly hôn với anh V

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị G về nuôi con, giao bé Nhựt cho chị G chăm sóc nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn V cư trú tại ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh V vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn V.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Trần Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị G và anh V hạnh phúc được thời gian đầu và có với nhau 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 10-2022, nguyên nhân chính là do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V không lo làm ăn, cờ bạc anh và chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị Trần Thị G xin ly hôn với anh Trần Văn V, anh Trần Văn V không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung. Qua lời khai anh V vẫn thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị không hạnh phúc, có cãi vã.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, ngày 13 tháng 2 năm 2023 tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Trần Văn V, hiện nay chị G và anh V không còn chung sống vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh V như thế nào ban áp không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Trần Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa chị G và anh V không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh V rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị G về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020, hiện đang sống cùng chị Trần Thị G. Sau khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung,

chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng anh V đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị G và anh V ly thân đến nay, cháu Trần Thanh Nh, đều do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, chị G cũng đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng cháu. Do vậy, nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện các cháu, tránh xáo trộn đời sống tâm lý của cháu Nhựt. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thanh Nh cho chị Trần Thị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Trần Thị G không yêu cầu anh Trần Văn V cấp dưỡng, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh V khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị G là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị G

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Trần Văn V

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Nh, sinh ngày 17-9-2020 cho chị Trần Thị G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị G nộp theo biên lai thu số 0009787 ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan